

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/DS-ST

Ngày: 09.11.2017

V/v tranh chấp: "chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH

N\ ZC CONG HOA XA[HOI CHUaNGHYA VIET NAM

TOA AN NHAN DAN QUAN THOCT NOCT - TP CAN THZ

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thảo**

2. Bà **Trần Thúy Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Tuấn Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2015/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2015 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 580/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn K** – sinh năm: 1960 (*có mặt*)

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Các bị đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị M** – sinh năm: 1956 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp D, xã E huyện F, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Nguyễn Văn H** – sinh năm: 1966 (*có mặt*)

3. Ông **Nguyễn Hữu Q** – sinh năm: 1970

4. Ông **Nguyễn Hữu V** – sinh năm: 1982 (*có mặt*)

5. Bà **Nguyễn Thị Như Y** – sinh năm: 1985

Ông Nguyễn Hữu Q và bà Nguyễn Thị Như Y ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu V đại diện tham gia tố tụng.

Cùng địa chỉ: Khu vực G, phường H, quận I, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M và ông H: Luật sư **Đặng Trọng Toại** – sinh năm: 1974 (thuộc văn phòng luật sư Thanh Liêm – đoàn luật sư thành phố Cần Thơ). *(có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị H1** – sinh năm: 1974 *(có mặt)*
2. Chị **Nguyễn Thị Hiếu N** – sinh năm: 1993 *(xin xét xử vắng mặt)*
3. Anh **Nguyễn Trọng P** – sinh năm: 2001 *(xin xét xử vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu vực G, phường H, quận I, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các bản tự khai và biên bản hòa giải trong quá trình thu thập chứng cứ, các đương sự thống nhất xác định như sau:

Về hàng thừa kế:

Ông Nguyễn Văn X (tên gọi khác là X1, sinh năm 1929, chết ngày 23.7.2010) chung sống với bà Ngô Thị T (sinh năm 1931, chết ngày 20.02.1969), có 03 người con gồm:

- 1/. Nguyễn Thị M – sinh năm: 1956
- 2/. Nguyễn Văn K – sinh năm: 1960
- 3/. Nguyễn Văn H – sinh năm: 1966

Sau khi bà T chết, ông Nguyễn Văn X chung sống với bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1951, chết ngày 29.4.2013), có 03 người con gồm:

- 1/. Nguyễn Hữu Q – sinh năm: 1970
- 2/. Nguyễn Hữu V – sinh năm: 1982
- 3/. Nguyễn Thị Như Y – sinh năm: 1985

Ngoài ra ông X không còn người con chung, con riêng nào khác.

Về di sản thừa kế:

Ông Nguyễn Văn X có đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 2067m² đất 2L tại thửa 26 và 1.077m² đất ODT + LNK tại thửa 45, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp G, xã Trung Nhứt, huyện I (nay là khu vực G, phường H, quận I, thành phố Cần Thơ), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00412 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 20.12.1997 cho hộ ông Nguyễn Văn X đứng tên, nguồn gốc đất là do ông bà để lại cho ông X. Toàn bộ diện tích đất tại thửa 26 và 45 hiện do ông Nguyễn Văn H đang quản lý, canh tác.

Vào ngày 31.12.2014, Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt có Quyết định số 2755/QĐ-UBND thu hồi một phần diện tích đất tại thửa 26 là 181.3m² để mở rộng quốc lộ 91, số tiền được bồi hoàn là 151.385.500đồng, hiện do bà M và ông V cùng quản lý gởi tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

(Viettinbank) – chi nhánh Thốt Nốt. Tại Thông báo số 289 ngày 27.9.2017, đại diện ngân hàng Viettinbank cho biết số tiền gốc của bà M, ông V gửi là 178.915.014đồng và tiền lãi tính đến ngày 26.9.2017 là 421.444đồng. Bà M cho rằng số tiền gốc tăng lên là do cộng gộp tiền lãi vào vốn gốc.

Theo Thông báo số 32/TB.HĐBT ngày 04.5.2017, hộ ông X được bồi thường thêm số tiền 39.746.000đồng. Vậy tổng số tiền được bồi hoàn mở rộng quốc lộ 91 tại thửa đất 26 là 218.661.014đồng (chưa tính phần tiền lãi 421.444đồng).

Ngoài ra không còn di sản nào khác. Ông X, bà T, bà T1 chết không để lại di chúc.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Lúc còn sống ông X có cho riêng ông K một công đất ruộng tại thửa 26 với diện tích là 1.300m². Việc ông X cho đất chỉ nói miệng và có mời cán bộ địa chính đo đạc tách thửa nhưng do chưa cắm ranh nên chưa đo đạc, làm thủ tục sang tên, tách thửa cho ông K được. Nay ông K yêu cầu chia di sản thừa kế do ông X để lại, cụ thể như sau:

- + Đối với thửa đất số 26 yêu cầu được chia riêng 1.300m².
- + Đối với thửa đất số 45 yêu cầu được chia 01 kỷ phần là 207,56m² loại đất ODT + CLN, yêu cầu chia V trí tiếp giáp với thửa 26.
- + Đối với số tiền bồi hoàn mở rộng quốc lộ yêu cầu chia đều thành 06 phần bằng nhau.

Riêng đối với căn nhà và các cây trồng trên thửa đất 45 (hiện do ông H đang quản lý sử dụng), ông K không yêu cầu chia.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H thống nhất trình bày:

Bà M và ông H không thừa nhận và không đồng ý việc lúc còn sống cha có cho riêng ông K 1.300m² đất LUA, tại thửa 26 như ông K trình bày. Toàn bộ thửa đất số 26 từ trước tới nay do ông H trực tiếp quản lý, canh tác, sử dụng.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà M và ông H không đồng ý mà có yêu cầu chia cụ thể như sau:

- + Đối với thửa đất số 26 và số tiền bồi hoàn mở rộng quốc lộ 91 thì chia đều thành 06 phần bằng nhau.
- + Đối với toàn bộ diện tích đất tại thửa 45 yêu cầu để dùng làm đất hương hỏa do 06 anh em cùng đứng tên, giao cho ông H tiếp tục quản lý để lo thờ cúng ông bà.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu V đồng thời là đại diện ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Q và bà Nguyễn Thị Như Y trình bày:

Ông cũng không thừa nhận và không đồng ý việc lúc còn sống cha có cho riêng ông K 1.300m² đất LUA, tại thửa 26. Ông yêu cầu chia đều toàn bộ diện tích đất tại thửa 26, 45 và số tiền bồi hoàn giải phóng mặt bằng làm 06 phần bằng nhau cho 06 anh chị em. Đối với căn nhà ở trên thửa 45 không yêu cầu chia.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp. Kết quả đo đạc thực tế, căn cứ theo Mảnh trích đo địa chính số 58-2017 và 59-2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Thốt Nốt lập ngày 09.5.2017: diện tích thửa 26 (sau khi trừ phần bị thu hồi mở rộng quốc lộ 91) là 3.156,7m², loại đất LUC; diện tích thửa 45 là 1.245,4m², trong đó 250m² đất ODT và 995,4m² đất CLN. Trên thửa đất 45 có căn nhà cùng một số cây trồng do ông H đang quản lý sử dụng, trên thửa 26 có 01 nhà của ông Nguyễn Hữu Q và 06 ngôi mộ đá.

Tòa án đã phân tích, giải thích và động viên hòa giải nhưng các bên vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không thỏa thuận được với nhau, do đó vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Cơ bản các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Tất cả các đương sự thống nhất xác định di sản ông X để lại tại thửa đất 26, 45 có nguồn gốc là của ông bà để lại cho ông X, cho nên việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn X không phải là tài sản chung của những người trong hộ tạo lập.

Ông K, ông V yêu cầu chia đều đối với thửa 45 chứ không đồng ý việc bà M, ông H yêu cầu chừa lại một phần đất dùng làm di sản thờ cúng giao cho ông H quản lý.

Ông H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các cây do ông trồng ở trên đất.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M, ông H cho rằng:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc cho rằng ông X cho riêng ông K diện tích đất 1.300m² tại thửa 26 vì chưa đủ cơ sở.

+ Yêu cầu các thừa kế chừa lại một phần diện tích đất khoảng 250m² tại thửa 26 để ổn định mồ mả ông bà và làm di sản thờ cúng, giao cho ông H quản lý đồng thời yêu cầu hoãn phiên tòa để đo đạc lại cụ thể.

+ Đối với thửa 45, bà M và ông H yêu cầu được chia phần đất thổ cư 250m² để ổn định căn nhà, đồng ý khấu trừ lại phần giá trị đất chênh lệch.

Đối với căn nhà của ông H đang ở, trường hợp buộc phải di dời nhà để giao trả đất trống phân chia thì ông H yêu cầu các đồng thừa kế khác phải bồi

thường giá trị nhà theo như định giá là 66.586.000đồng và hỗ trợ chi phí đi dời là 60.000.000đồng.

V đại diện Viện kiểm sát phát biểu Y kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư kY; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, di sản thừa kế của ông X được chia đều thành 06 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét quan hệ pháp luật đây là vụ kiện tranh chấp chia di sản thừa kế, căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

Về thời hiệu khởi kiện: Người để lại di sản là ông Nguyễn Văn X (X1) chết ngày 23.7.2010 (theo giấy chứng tử số 148, cấp ngày 28.7.2010). Tòa án nhận đơn khởi kiện ngày 17.11.2015 là còn thời hiệu chia thừa kế theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

Xét về thủ tục tố tụng: Xét việc người liên quan Nguyễn Thị Hiếu Nvà Nguyễn Trọng P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có Y kiến yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Xét việc luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa để đo đạc lại cụ thể phần đất yêu cầu dùng làm di sản thờ cúng là chưa đủ cơ sở chấp nhận bởi vì các đồng thừa kế khác không đồng Y. Ngoài ra quá trình Tòa án giải quyết phía bị đơn bà M, ông H không có đơn yêu cầu, khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ bị đơn cũng không có đề nghị.

Về hàng thừa kế, theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và các đương sự thống nhất xác định: ông Nguyễn Văn X chung sống với bà Ngô Thị T và Nguyễn Thị T1 có tất cả 06 người con gồm: Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Hữu V và Nguyễn Thị Như Y. Ngoài ra không còn người con chung, con riêng nào khác. Ông X, bà T, bà T1 đều đã chết và không để lại di chúc.

Về di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất xác định di sản của ông Nguyễn Văn X để lại gồm có diện tích đất tại thửa 26 (sau khi trừ phần bị thu hồi mở rộng quốc lộ

91) là 3.156,7m², loại đất LUC; diện tích đất thửa 45 là 1.245,4m², trong đó 250m² đất ODT và 995,4m² đất CLN, thuộc tờ bản đồ số 09, tọa lạc khu vực G, phường H, quận I, thành phố Cần Thơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00412 do Ủy ban nhân dân huyện I (cũ) cấp ngày 20.12.1997 cho ông Nguyễn Văn X đại diện hộ đứng tên. Số tiền bồi hoàn giải phóng mặt bằng mở rộng quốc lộ 91 là 218.661.014đồng (trong đó có 178.915.014đồng đang gửi tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Viettinbank) – chi nhánh Thốt Nốt do bà M đứng tên chủ tài khoản và số tiền 39.746.000đồng do Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất quận Thốt Nốt đang quản lý). Ngoài ra không còn di sản nào khác. Các đương sự thống nhất xác định nguồn gốc đất là do ông bà để lại cho ông X, không phải tài sản chung của hộ tạo lập.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K:

Ông K cho rằng lúc còn sống ông X có cho riêng ông K một công đất ruộng tại thửa 26 với diện tích là 1.300m², ông K xác định việc ông X cho đất chỉ nói miệng và mời cán bộ địa chính đo đạc tách thửa chứ không có lập hợp đồng tặng cho. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 467 Bộ luật dân sự 2005, trường hợp tặng cho bất động sản phải lập thành văn bản có công chứng, chứng thực và phải làm thủ tục đăng ký theo quy định của luật đất đai. Theo các chứng cứ do ông K cung cấp gồm “Giấy đề nghị về việc đo đạc lập hồ sơ kỹ thuật đất” ngày 12.3.2010 và đơn xin xác nhận của ông K ngày 11.01.2016 thì chưa đủ cơ sở để chứng minh việc ông X tặng cho đất lúc còn sống, trong khi tất cả các đồng thừa kế khác đều không thừa nhận việc này, hơn nữa trong giấy đề nghị đo đạc, tách thửa cũng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, diện tích đất tại thửa 26 là do ông H trực tiếp quản lý sử dụng. Cho nên xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn đưa ra là chưa đủ cơ sở chấp nhận.

Xét việc bị đơn bà M, ông H yêu cầu để lại một phần thửa 26, 45 cùng căn nhà trên đất dùng làm đất hương hỏa, giao cho ông H quản lý để thờ cúng ông bà nhưng các đồng thừa kế khác không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận được. Đối với căn nhà trên thửa 45 do ông H đang ở, do bà M và ông H có chung ý kiến yêu cầu chừa lại làm phủ thờ ông bà, Hội đồng xét xử nghĩ nên ưu tiên chia V trí căn nhà cho ông H, bà M là phù hợp.

Tóm lại, do ông Nguyễn Văn X chết không để lại di chúc nên di sản của ông X sẽ được phân chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của ông X gồm có 06 người nên toàn bộ di sản sẽ được chia đều thành 06 phần bằng nhau theo bản trích đo địa chính đã được Hội đồng xét xử thông qua, cụ thể như sau:

* Đối với thửa đất số 26, diện tích 3.156,7m², loại đất LUC:

- + Ông Nguyễn Hữu Q được chia 526,1m², kY hiệu là thửa 26A.
- + Bà Nguyễn Thị Như Y được chia 526,1m², kY hiệu là thửa 26B.
- + Ông Nguyễn Hữu V được chia 526,1m², kY hiệu là thửa 26C.
- + Bà Nguyễn Thị M được chia 526,1m², kY hiệu là thửa 26D.
- + Ông Nguyễn Văn H được chia 526,1m², kY hiệu là thửa 26E.
- + Ông Nguyễn Văn K được chia 526,2m², kY hiệu là thửa 26F.

* Đối với thửa đất số 45, diện tích 1.245,4m² (ODT = 250m² và CLN: 995,4m²), các đồng thừa kế phải chia diện tích đất chiều ngang 2m, chạy dài dọc theo thửa đất để dùng lối đi chung. Cho nên diện tích mỗi người được chia sau khi đã trừ phần đường đi chung như sau:

- + Ông Nguyễn Hữu Q được chia 190,3m², kY hiệu là thửa 45A.
- + Ông Nguyễn Văn K được chia 189,6m², kY hiệu là thửa 45B.
- + Bà Nguyễn Thị M được chia 189,2m², kY hiệu là thửa 45C.
- + Ông Nguyễn Văn H được chia 190,4m², kY hiệu là thửa 45D.
- + Bà Nguyễn Thị Như Y được chia 189,1m², kY hiệu là thửa 45E.
- + Ông Nguyễn Hữu V được chia 182,5m², kY hiệu là thửa 45F.

* Đối với số tiền 218.661.014đồng được chia đều làm 06 phần: Ông K, bà M, ông H, ông Q, ông V, bà Như Y mỗi người được chia 36.443.500đồng. Đối với số tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc 178.915.014đồng được tiếp tục chia đều làm 06 phần cho các đồng thừa kế tại thời điểm thi hành án.

Đối với các tài sản, cây trồng, vật kiến trúc xây dựng trên đất các đương sự thống nhất tự tháo dỡ, di dời, không đặt vấn đề yêu cầu giải quyết. Đối với 06 ngôi mộ đá, các đương sự thống nhất không yêu cầu di dời. Nếu người nào muốn di dời phải có sự đồng ý của các đồng thừa kế.

Về các chi phí tố tụng: Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã thành lập Hội đồng để thẩm định, định giá tài sản tranh chấp với tổng chi phí là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn K đã tạm nộp trước. Ông K chịu 700.000đồng nên các đồng thừa kế khác mỗi người phải nộp số tiền 660.000đồng (Sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) để giao trả lại cho ông Nguyễn Văn K.

Về án phí dân sự tố tụng: Các đương sự phải nộp án phí Tòng ứng với giá trị phần di sản được chia theo quy định pháp luật. Án phí được tính theo giá đất ODT = 700.000đồng/m²; đất CLN = 158.000đồng/m²; đất LUC = 135.000đồng/m².

Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà M, ông H là chưa đủ cơ sở chấp nhận.

Xet lzi-wefinghxdại diện viện kiểm sát la-eó cz sz chag nhaj.

Vr cac le{trch, Hoj wofig xet xl :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Wiefi 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 228 và 273 Bojluaј togung dah sl năm 2015;
- Các Wiefi 467, 633, 634, 645, 675, 676, 685 và 733 Bojluaј Dah sl u nam 2005; Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.
- Pháp lệnh vefan phs, lejphs Toa an năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phân chia di sản của ông Nguyễn Văn X để lại tại thửa đất 26 và 45, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc khu vực G, phường H, quận I, thành phố Cần Thơ, do hộ ông Nguyễn Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00412, được cấp ngày 20.12.1997 và số tiền bồi hoàn giải phóng mặt bằng mở rộng quốc lộ 91 là 218.661.014 đồng, cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn Văn K được chia diện tích đất 526,2m², loại đất LUC tại thửa 26 (kY hiệu là thửa 26F) và diện tích đất 189,6m² tại thửa 45 (kY hiệu là thửa 45B, trong đó loại đất ODT = 41,66m² và loại đất CLN = 147,94m²).

+ Bà Nguyễn Thị M được chia diện tích đất 526,1m², loại đất LUC tại thửa 26 (kY hiệu là thửa 26D) và diện tích đất 189,2m² tại thửa 45 (kY hiệu là thửa 45C, trong đó loại đất ODT = 41,66m² và loại đất CLN = 147,54m²).

+ Ông Nguyễn Văn H được chia diện tích đất 526,1m², loại đất LUC tại thửa 26 (kY hiệu là thửa 26E) và diện tích đất 190,4m² tại thửa 45 (kY hiệu là thửa 45D, trong đó loại đất ODT = 41,66m² và loại đất CLN = 148,74m²).

+ Ông Nguyễn Hữu Q được chia diện tích đất 526,1m², loại đất LUC tại thửa 26 (kY hiệu là thửa 26A) và diện tích đất 190,3m² tại thửa 45 (kY hiệu là thửa 45A, trong đó loại đất ODT = 41,66m² và loại đất CLN = 148,64m²).

+ Ông Nguyễn Hữu V được chia diện tích đất 526,1m², loại đất LUC tại thửa 26 (kY hiệu là thửa 26C) và diện tích đất 182,5m² tại thửa 45 (kY hiệu là thửa 45F, trong đó loại đất ODT = 41,66m² và loại đất CLN = 140,84m²).

+ Bà Nguyễn Thị Như Y được chia diện tích đất 526,2m², loại đất LUC tại thửa 26 (kY hiệu là thửa 26B) và diện tích đất 189,1m² tại thửa 45 (kY

hiệu là thửa 45E, trong đó loại đất ODT = $41,66\text{m}^2$ và loại đất CLN = $147,44\text{m}^2$).

V trí, kích thước, diện tích đất cụ thể được xác định căn cứ căn cứ theo Mảnh trích đo địa chính số 58-2017, 59-2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng kY đất đai quận Thốt Nốt lập ngày 09.5.2017 và Bản trích đo địa chính phân chia di sản đã được Hội đồng xét xử thông qua.

Các đương sự phải có trách nhiệm đến cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được phân chia như trên và phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất theo quy định pháp luật.

+ Đối với số tiền 218.661.014đồng: Ông K, bà M, ông H, ông Q, ông V, bà Như Y mỗi người được chia 36.443.500đồng (*Ba mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm đồng*).

Bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm rút số tiền gốc 178.915.014đồng và tiền lãi đang gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam; các đương sự có trách nhiệm liên hệ với Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất quận Thốt Nốt nhận số tiền 39.746.000đồng để phân chia cho các đồng thừa kế như trên. Số tiền lãi phát sinh gửi tại Ngân hàng được tiếp tục chia đều làm 06 phần cho các đồng thừa kế tại thời điểm thi hành án.

Đối với căn nhà của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 đang ở, nếu có nằm trên phần đất người khác được chia thì ông H, bà H1 phải có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời để giao trả đất trống cho người được chia.

Đối với 06 ngôi mộ đá: các đương sự thống nhất không yêu cầu di dời. Nếu người nào muốn di dời phải có sự đồng Y của các đồng thừa kế.

Về các chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 700.000đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*). Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Hữu Q, ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị Như Y mỗi người phải nộp số tiền 660.000đồng (*Sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*) để giao trả lại cho ông Nguyễn Văn K.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn K phải nộp số tiền 8.000.900đồng (*T1 triệu, lẻ chín trăm đồng*) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 8.172.000đồng (*T1 triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AB/2013/002537 ngày 17.11.2015. Vậy ông K được nhận lại số tiền sau khi khấu trừ là 171.100đồng (*Một trăm bảy mươi một ngàn, một trăm đồng*).

Bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 7.997.000đồng (*Bảy triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Văn H phải nộp số tiền 8.006.500đồng (*T1 triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, năm trăm đồng*).

Ông Nguyễn Hữu Q phải nộp số tiền 8.005.700đồng (*T1 triệu, không trăm lẻ năm ngàn, bảy trăm đồng*).

Ông Nguyễn Hữu V phải nộp số tiền 7.944.100đồng (*Bảy triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn, một trăm đồng*).

Bà Nguyễn Thị Như Y phải nộp số tiền 7.996.200đồng (*Bảy triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn, hai trăm đồng*).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- THA quận Thốt Nốt;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG HIẾU